TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ QUAO** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **31**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 13-9-2018
Về việc: "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Sanh Hiền
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lương Thị Hồng Hạnh;
Bà Vũ Thị Đào

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Hôm nay, ngày 13 tháng 9 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 68/2018/TLST-HNGĐ, ngày 28/3/2018 về việc: "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Cẩm H – Sinh năm 1968 (có mặt);
Địa chỉ: ấp T, xã V, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.
Bị đơn: Ông Lâm Hoàng T – Sinh năm 1975 (có mặt);
Địa chỉ: ấp M, xã T, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang;
Hiện tạm trú tại: ấp T, xã V, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị Cẩm H được Tòa án thụ lý vụ án có nội dung như sau:

* Trước đây vào năm 1996, sau khi tìm hiểu nhau, bà Trần Thị Cẩm H kết hôn cùng với ông Lâm Hoàng T, hôn nhân tự nguyện, gia đình hai bên có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không phù hợp.Trong thời gian chung sống, vợ chồng bà có một con chung là: Trần Tấn L, sinh ngày 31/7/2009. Cũng trong thời gian trên, ông bà không tạo dựng được tài sản chung và cũng không có nợ chung.

Nay, xét thấy không thể tiếp tục chung sống nên bà H đã có đơn xin ly hôn với ông T; Về con chung: bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi con và yêu cầu ông T phải cấp dưỡng cho con mỗi tháng là: 2.500.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi; Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn: ông Lâm Hoàng T cho rằng những nội dung bà Trần Thị Cẩm H đã trình bày về hoàn cảnh gia đình, tình trạng hôn nhân, về con chung cũng như tài sản và nợ

chung là hoàn toàn chính xác. Ông, bà kết hôn vào năm 1996, không có đăng ký kết hôn và có một con chung là: Trần Tấn L, sinh ngày 31/7/2009. Ông, bà không tạo dựng được tài sản chung và không có nợ chung.

Nay, nếu bà H yêu cầu xin ly hôn thì phía ông T đồng ý ly hôn với bà H; Về con chung: Ông T yêu cầu nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng; Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, qua phần thẩm vấn các đương sự có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: bà Trần Thị Cẩm H và ông Lâm Hoàng T đồng ý ly hôn với nhau;
- Về tài sản chung và nợ chung: bà H và ông T thống nhất ý kiến là không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;
- Về con chung: bà H và ông T thống nhất giao cháu: Lâm Tấn L, sinh ngày 31/7/2009 cho bà Trần Thị Cẩm H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và ông T đồng ý cấp dưỡng cho con mỗi tháng bằng: 695.000đ (Sáu trăm chín mươi lăm ngàn đồng) cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục: Trong vụ án này, nguyên đơn tiến hành khởi kiện được Tòa án thụ lý là đúng thẩm quyền và phù hợp với quy định pháp luật tố tụng. Tại phiên tòa hôm nay, cũng như qua phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải các bên đã khẳng định yêu cầu của mình nên vụ kiện không có yêu cầu phản tố. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ kiện " Xin ly hôn " được quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

[2] Xét về hôn nhân: Bà Trần Thị Cẩm H và ông Lâm Hoàng T xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 1996, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới tại địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống cho đến nay ông, bà cũng không thực hiện việc đăng ký kết hôn lại là đã vi phạm quy định Luật Hôn nhân và gia đình. Do vậy, đây là hôn nhân không hợp pháp nên sau khi xem xét Hội đồng xét xử căn cứ Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để xem xét giải quyết về quan hệ hôn nhân;

[3] Xét về con chung: qua thẩm vấn cho thấy ông, bà có với nhau một người con chung tên là: Lâm Tấn L, sinh ngày 31/7/2009. Trong quá trình giải quyết vụ án cả bà H và ông T đều có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng con. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay ông T, bà H đã thỏa thuận thống nhất về việc nuôi con chung và cấp dưỡng. Từ đó, sau khi nghị án Hội đồng xét xử xét thấy việc ghi nhận việc giao cháu: Lâm Tấn L, sinh ngày 31/7/2009 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu L mỗi tháng một nữa tháng lương tối thiểu bằng: (1.390.000,đ: 2) = 695.000,đ (Sáu trăm chín mươi lăm ngàn đồng) cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi là phù hợp với pháp luật.

[4] Tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: buộc bà H phải nộp án phí ly hôn bằng 300.000đ và ông T phải nộp án phí về cấp dưỡng bằng 300.000,đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28,147, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Căn cứ vào Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị Cẩm H và ông Lâm Hoàng T là quan hệ vợ chồng;

- Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự về việc ghi nhận việc giao cháu: Lâm Tấn L, sinh ngày 31/7/2009 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng và ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu L mỗi tháng một nữa tháng lương tối thiểu bằng: (1.390.000đ: 2) = 695.000,đ (Sáu trăm chín mươi lăm ngàn đồng) cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi là phù hợp với pháp luật.

Ông Lâm Hoàng T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Miễn xét.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: bà Trần Thị cẩm H phải chịu án phí là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001858, ngày 28/3/2018 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Ông T phải nộp án phí về cấp dưỡng bằng 300.000đ.

- Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 13/9/2018).

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6 và 9 Luật thi hành án dân sự và các Điều 7,7a Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
TAND tỉnh Kiên Giang;
VKSND huyện Gò Quao;
- Chi cục THADS huyện Gò Quao;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM -
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA -

Phạm Sanh Hiền